TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:139/2018/DS-ST Ngày: 30-11-2018 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm.

2. Ông Võ Hùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên toà:* Ông Ngô Hoài Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2018/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2018/QĐST-DS, ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thái Thanh P sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Đường ĐX 062, Tổ 54, Khu phố 8, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Đường số 11, khu dân cư HT 3, Tổ 103, Khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thái Thanh P trình bày:

Ông Thái Thanh P và bà Lê Thị T là bạn bè quen biết nhau, ngày 09/11/2016 ông P cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, việc vay mượn có lập hợp đồng vay tiền (không có tài sản đảm bảo) được lập tại Văn phòng Công chứng S, nội dung hợp đồng có thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng, vay không lãi suất. Sau khi ký hợp đồng vay thì ông P đã giao đủ cho bà T số tiền 100.000.000 đồng nêu trên.

Đến hạn trả nợ ông P đã nhiều lần liên hệ với bà T yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T đã cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T phải thanh toán cho ông P số tiền gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao), hợp đồng vay tiền (bản sao).

Bị đơn bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà Lê Thị T.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Thái Thanh P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 21/8/2018, ông Thái Thanh P có đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T phải trả số tiền vay là 100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2016 nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[1.2]. Về thẩm quyền: Ông Thái Thanh P khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Lê Thị T, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý bị đơn bà Lê Thị T có địa chỉ cư trú tại khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Thái Thánh P có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông P, bà T.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2016 được lập tại Văn phòng công chứng S do ông Thái Thanh P cung cấp thể hiện bà T có vay của ông P số tiền 100.000.000 đồng, hợp đồng này được công chứng, chứng thực nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Nội dung hợp đồng không thỏa thuận về lãi suất chỉ thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng, đến hạn thanh toán nhưng bà T không thanh toán nợ như thỏa thuận trong hợp đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 21/8/2018 nguyên đơn có đơn khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà T đã thanh toán cho ông P một phần hay toàn bộ số tiền đã vay 100.000.000 đồng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu của ông P, buộc bà Lê Thị T phải trả cho ông Thái Thanh P số tiền đã vay là 100.000.000 đồng.

[3]. Tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận là 100.000.000 đồng tương đương án phí là 5.000.000 đồng; ông Thái Thanh P không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Thanh P đối với bị đơn bà Lê Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1.1. Buộc bà Lê Thị T phải trả cho ông Thái Thanh P số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị T phải nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

2.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho ông Thái Thanh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0022599 ngày 28/8/2018.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga